

Phụ lục 92
BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ CÙ LAO GIÊNG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND ngày tháng năm 2025
của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)

A. ĐẤT Ở

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

TT	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
*	Đất ở nông thôn tại trung tâm xã (trung tâm chợ xã; trung tâm hành chính xã)		
*	Đất ở nông thôn tại trung tâm hành chính xã:		
1	Từ cầu Lê Phước Cương - hết Trạm Y tế Tân Mỹ	850	
2	Từ cầu Ngọn Cạy - Ngã ba ĐH19, ĐH22	2.550	
3	Từ cầu Cả Cái - Cầu Cả Cao	1.020	
*	Đất ở nông thôn tại trung tâm chợ xã:		
4	Chợ Mỹ Hiệp (giới hạn các tuyến đường từ Ngọn Cạy - ĐH19 - kênh Tà Mơn Cạn - Đường vào Sân vận động)	2.550	
5	Chợ Bình Trung (Rạch Cả Cái - Rạch Cả Cao)	1.020	
6	Chợ Tân Mỹ (Phạm vi Chợ)	850	
*	Đất ở nông thôn tại trung tâm của các chợ còn lại (không phải là chợ trung tâm):		
7	Chợ Tân Hưng	680	
8	Chợ Tân Long	510	
9	Chợ Bà Hai Quây	1.190	
10	Khu dân cư Tân Lợi (Áp dụng cho các thửa đất tiếp giáp trục đường 2 bên chợ, ĐH 22)	1.190	
11	Chợ Đình Mỹ Hưng	680	

TT	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
12	Chợ ấp Bình Tấn	425	
*	Đất ở nông thôn tiếp giáp đường giao thông		
*	Đất ở nông thôn tiếp giáp đường giao thông nông thôn, đường liên xã:		
13	Cụm dân cư Kênh 03 xã	799	
14	Từ Bến đò Cột Dây Thép - Bến đò Bình Thành	660	
15	Từ Trạm Y tế Tân Mỹ - Ngã 4 bến đò Rạch Sâu	660	
16	Từ Ngã 3 Bưu điện xã (Tân Mỹ cũ) - Cầu Ngọn Cạy (ĐH 19)	660	
17	Từ cầu Lê Phước Cương - Bến đò Tân Long	660	
18	Tuyến đường chính ấp Tấn Thuận	413	
19	Tuyến đường chính ấp Tấn Long	413	
20	Tuyến đường bờ Tây Kênh Mới (Cầu Gãy Tấn Hưng- Cầu Kênh Mới)	413	
21	Đường kênh Lê Minh Quang	413	
22	Từ cầu Ông Lão - Cầu Cả Cao	660	
23	Từ ngã 3 Lò Heo - Ngã 4 bến đò Bình Thành	660	
24	Từ Cầu UBND xã - Ngã 3 Lò Heo	1.320	
25	Cụm dân cư Khu vực ấp Đông, ấp Tây, ấp Nam, ấp Bắc, Mỹ Trung, Mỹ Hòa, Mỹ Thạnh	1.320	
26	Cầu Ông Lão - Chợ Mỹ Hiệp (Cầu ông Lão - Đường vào Sân vận động)	1.320	
27	Tuyến đường Mương Chùa (2 bờ) (Bến đò Mương Chùa - Kênh Mới)	495	
28	Tuyến đường Ngọn Đình (2 bờ) (Ngã ba cầu Đình - Kênh Mới)	495	

TT	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
29	Tuyến đường kênh Xoài Heo (Cầu Giồng Xoài Heo - Cầu Huỳnh Văn Triễn)	495	
30	Tuyến đường từ ĐH22 - Bến đò Mỹ Ngãi	2.415	
31	Khu dân cư Khu vực ấp Bình Trung, Bình Quới, Bình Phú, Bình Tấn, Bình Phước	1.020	
32	Từ cầu Ngã Cái - Bến đò Rạch Sâu	660	
33	Từ ngã tư bến đò Rạch Sâu - Cầu Trại Trị	413	
34	Từ cầu Chợ Bình Trung - Vàm Cỏ Dứa	413	
35	Từ cầu Lái Quán - Cầu chợ Bình Tấn	413	
36	Tuyến đường từ cầu Cỏ Cao - Cầu Kênh Mới 2 bờ	413	
37	Từ Kênh Mới - Cầu Xẻo Vải (2 bờ)	413	
38	Tuyến đê Cỏ Bông	413	
39	Tuyến cầu Chợ Bình Tấn - Sông Tiền	413	
40	Tuyến cầu Cỏ Cái - Cầu Năm Kê (2 bên bờ Rạch Cỏ Cái)	413	
41	Các tuyến đường khác có nền đường $\geq 3\text{m}$ được trải bê tông hoặc nhựa	480	
42	Các tuyến đường khác có nền đường $< 3\text{m}$ được trải bê tông hoặc nhựa	384	
43	Các tuyến đường còn lại	320	

B. ĐẤT NÔNG NGHIỆP*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

TT	Loại đất	Giá đất			Ghi chú
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	
1	Đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản				
	Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II, Sông Hậu, Sông Tiền)	87	70		
	Khu vực còn lại (Chỉ xác định một vị trí)	44			
2	Đất trồng cây lâu năm				
	Khu vực Cồn Én (Khu vực Tấn Mỹ cũ)	128			
	Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II, Sông Hậu, Sông Tiền)	105	84		
	Khu vực còn lại (Chỉ xác định một vị trí)	60			